TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ LANG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Sầm Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khiêm

2. Ông Lục Văn Tiến

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị D, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm BV, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ đăng ký HKTT: Xóm BV, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Nơi ở hiện nay: Xóm LL (KL cũ), xã QL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị D trình bày: Chị tổ chức cưới theo tập quán với anh Hoàng Văn Đ vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng vào ngày 14/9/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh Đ về ở rể và sinh sống với gia đình chị D, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan

điểm, không có tiếng nói chung, tuy không đánh đập nhưng thường xuyên cãi nhau, anh Đ ham chơi cờ bạc. Cuối năm 2019, chị D đi làm công nhân tại Bắc Ninh, đến cuối năm 2021 anh Đ tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được được ly hôn. Về con chung, có 01 con chung tên Lương Hoàng Thùy Ch, sinh ngày 19/7/2017, hiện con đang ở với ông bà ngoại, khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, không có; nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai trình bày: Anh đã nhận được giấy triệu tập và thông báo của Tòa án về việc tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do có việc bận nên anh không đến tham gia được. Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung như chị D trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, do bất đồng quan điểm sống, anh không đánh đập vợ, nhưng có cãi cọ và to tiếng với nhau đến tháng 8 năm 2021, anh Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lũng Lạc, xã QL kể từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D. Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng chưa tạo dựng được tài sản chung; các khoản nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung đúng như chị D đã trình bày, anh nhất trí với yêu cầu của chị D. Trường hợp anh không có mặt tham gia phiên tòa thì đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Do chị D và anh Đ có đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị D, chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

- Chị Lương Thị D vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã khởi kiện và nhất trí các quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Hoàng Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại: BV, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; nơi ở hiện nay là Xóm Lũng Lạc, xã QL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không tham gia phiên hòa giải. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được. Ngày 15/3/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của anh Đ tại nơi ở hiện nay là xóm Lũng Lạc, xã QL và trong quá trình lấy lời khai, anh Đ đều nhất trí theo các yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó vụ án được xét xử theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Lương Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị D với anh Hoàng Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó hôn nhân hợp pháp từ ngày có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh Đ về ở rể, sống cùng gia đình chị D tại xóm BV, xã VQ, huyện HL. Thời gian đầu, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, do bất đồng quan điểm sống, tuy không đánh đập nhưng có cãi cọ và to tiếng với nhau đến tháng 8 năm 2021, anh Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lũng Lạc, xã QL, chị D thì đi làm công nhân tại Bắc Ninh, kể từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Xét thấy, giữa chị D với anh Đ không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, chứng tỏ mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là những căn cứ để giải quyết ly hôn theo yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị D. Xét thấy, yêu cầu của hai người đều tự nguyện ly hôn, không trái đạo đức, pháp luật nên cần được ghi nhận.

[5]. *Về con chung:* Cháu Lương Hoàng Thùy Ch, sinh ngày 19/7/2017 là con chung của chị D và anh Đ, hiện nay đang sống cùng ông bà ngoại. Xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của bố mẹ, hiện nay cháu đã ở quen với gia đình chị D nên sẽ tạo điều kiện tốt cho việc ăn ở, đi lại và học tập cho cháu Ch; anh Đ cũng nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị D không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí:* Chị Lương Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị D. Chị Lương Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Cháu Lương Hoàng Thùy Ch, sinh ngày 19/7/2017 là con chung của chị D và anh Đ. Chấp nhận sự thỏa thuận về việc giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ch tròn 18 tuổi hoặc có Bản án (Quyết định) khác thay thế. Không đặt vấn đề cấp dưỡng con chung đối với anh Đ.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết vì các đương sự không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lương Thị D phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, xác nhận chị D đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã VQ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Sầm Đức Hiệp